

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ NGÀ

**XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC
THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Luật Kinh tế
Mã số: 9.38.01.07**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – Năm 2018

Công trình được hoàn thành tại:

HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Đinh Ngọc Vượng

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, tại:

Học viện Khoa học xã hội, số 477 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Vào hồi ...giờ....phút, ngày..... tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Khoa học Xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu:

Từ ngàn xưa, ông cha ta đã rất coi trọng việc học. Trong xã hội phong kiến với các cuộc thi hương, thi hội, thi đình để tìm kiếm người tài cho đất nước. Trải qua những biến cố thăng trầm của lịch sử dựng nước và giữ nước, giáo dục đào tạo luôn được coi là quốc sách hàng đầu. Trong văn kiện hội nghị lần thứ II BCHTW khóa VIII - Nhà xuất bản chính trị Quốc gia Hà Nội – 1997 đã viết: *Giáo dục và đào tạo là sự nghiệp của Đảng, của nhà nước và của toàn dân. Mọi người đi học, học thường xuyên, phê phán thói lười học.*

Hay cũng trong văn kiện đại hội VIII đã khẳng định: *Đảng và nhà nước cần tập trung mọi cố gắng, dành ưu tiên lớn nhất cho phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ. Thể hiện trên các mặt chính sách, đội ngũ cán bộ và quản lý - các cấp ủy đảng và mỗi đảng viên phải quán triệt sâu sắc quan điểm cơ bản này trong lĩnh vực hoạt động, các tổ chức đảng phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động của mình.* Do đó, con người vừa là mục tiêu vừa là động lực trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Giáo dục là sự nghiệp *trồng người*. Theo tinh thần đó, Văn kiện đại hội đảng lần thứ VIII một lần nữa xác định *xuất phát từ nhận thức chăm lo cho con người, cho cộng đồng xã hội là trách nhiệm của toàn xã hội, của mỗi đơn vị, của từng gia đình là sự nghiệp của Đảng, của nhà nước và của toàn dân, chúng ta chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội theo tinh thần xã hội hóa trong đó nhà nước giữ vai trò nòng cốt.* Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, do dân và vì dân, nhà nước và nhân dân cùng làm, mọi việc đều phải dựa vào dân. Đó là quan điểm và kinh nghiệm trong lịch sử chiến tranh nhân dân và trong 10 năm đổi mới cần nắm vững và phát huy để tạo nguồn lực giải quyết vấn đề con người và xã hội trong thời kỳ hiện nay.

Xã hội hóa công tác giáo dục là một tư tưởng lớn của Đảng và nhà nước ta. Tư tưởng đó là sự đúc kết từ truyền thống hiếu học, chăm lo cho sự học của người dân, cũng là một tư tưởng tiên bộ nắm bắt kịp thời xu hướng xã hội hóa giáo dục trên toàn thế giới. Trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay, nhiều quốc gia phương tây và các nước khác trên thế giới đã sớm nhận thấy mặt tích cực và tính cấp thiết của việc đẩy

manh xã hội hóa giáo dục.

Trên thực tế, trong thời gian thực hiện xã hội hóa giáo dục, cùng với sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn Dân và các tổ chức xã hội khác, nền giáo dục ở nước ta cũng có những bước tiến mới. Sự hưởng ứng tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân đã góp phần thúc đẩy mục tiêu chiến lược phát triển con người. Mạng lưới giáo dục phát triển nhanh đối với tất cả các cấp bậc học, xây dựng nhiều mô hình học tập. Tuy nhiên, xét về tổng thể, giáo dục và đào tạo nước ta còn tồn tại nhiều yếu kém, bất cập cả về quy mô, cơ cấu, cả về chất lượng và hiệu quả. Chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của xã hội trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hệ thống hành lang pháp lý còn yếu, chồng chéo, lỏng lẻo và thiếu đồng bộ, quản lý nhà nước đối với giáo dục còn mang nặng tính hình thức, chiều lệ dẫn đến sự bất bình đẳng trong vấn đề thực hiện xã hội hóa giáo dục điều đó dẫn đến những hệ quả quan trọng không thể tránh khỏi như: số lượng, loại hình trường mở ra nhiều nhưng không đáp ứng được đúng với nhu cầu của xã hội, chất lượng giáo dục không tăng mà thậm chí còn thụt lùi bên cạnh đó xuất hiện sự bất công bằng trong giáo dục đào tạo ngày càng lớn. Vậy làm thế nào để thực hiện xã hội hóa giáo dục có hiệu quả hơn? Tăng cả về lượng và về chất, làm thế nào để đáp ứng nhu cầu giáo dục đào tạo trong hội nhập quốc tế? làm thế nào để Việt Nam trở thành một đất nước có mọi trường giáo dục phát triển lành mạnh và đạt chuẩn, thu hút được các nguồn đầu tư không chỉ trong nước mà còn cả quốc tế, bên cạnh đó có thể cung cấp một thị trường lao động hiệu quả cho thị trường lao động khu vực và quốc tế? đòi hỏi chúng ta phải nghiên cứu và xây dựng hành lang pháp lý về xã hội hóa giáo dục đầy đủ và phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả xã hội hóa giáo dục và thúc đẩy nền giáo dục phát triển toàn diện hơn.

Từ những lý do trên nghiên cứu sinh chọn chủ đề ***Xã hội hóa giáo dục theo pháp luật Việt Nam hiện nay*** làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.

2.1. Mục đích nghiên cứu:

Luận án nghiên cứu làm rõ một số vấn đề lý luận về xã hội hóa giáo dục, pháp

luật về xã hội hóa giáo dục, phân tích thực trạng việc pháp luật xã hội hóa giáo dục của nước ta hiện nay. Trên cơ sở đó đề xuất một số phương hướng, giải pháp góp phần nâng cao vai trò của pháp luật về xã hội hóa giáo dục nhằm góp phần nâng cao hiệu quả của công tác xã hội hóa giáo dục và chất lượng giáo dục đào tạo của nước ta.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- *Thứ nhất*, luận giải và làm rõ một số vấn đề lý luận về xã hội hóa giáo dục, pháp luật về xã hội hóa giáo dục. Nội dung pháp luật về xã hội hóa giáo dục và tính tất yếu của pháp luật xã hội hóa giáo dục.

- *Thứ hai*, luận án phân tích thực trạng và luận giải những vấn đề đặt ra của hệ thống pháp luật đối với công tác xã hội hóa giáo dục của Việt Nam trong thời qua.

- *Thứ ba*, luận án bước đầu xác định phương hướng và đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục phát triển công cuộc xã hội hóa giáo dục theo chủ trương và đường lối của Đảng và Nhà nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Luận án tập trung nghiên cứu vấn đề xã hội hóa giáo dục theo pháp luật Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

Luận án không nghiên cứu toàn bộ thực trạng về pháp luật giáo dục của Việt Nam mà tập trung nghiên cứu thực trạng hoạt động xã hội hóa giáo dục dựa trên các quy định và chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với tiến trình thực hiện xã hội hóa giáo dục từ sau đại hội VIII của Đảng.

4. Phương pháp nghiên cứu.

4.1. Phương pháp luận:

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng, Nhà nước về giáo dục và xã hội hóa giáo dục, các chính sách, các quy định và hệ thống pháp luật của Nhà nước về xã hội hóa và xã hội hóa giáo dục. Bên cạnh đó, luận án cũng kế thừa những lý thuyết hiện đại về giáo

dục, về xã hội hóa và xã hội hóa giáo dục của các nhà khoa học trên thế giới, những phân tích có tính xác thực của các nhà khoa học trong nước đối với thực tế xã hội hóa giáo dục ở nước ta thông qua các chính sách và các quy định của nhà nước về lĩnh vực này. Trên cơ sở đó làm cơ sở lý luận và tạo tiền đề để nghiên cứu các vấn đề liên quan xã hội hóa giáo dục và pháp luật xã hội hóa giáo dục liên quan đến luận án.

4.2. Phương pháp nghiên cứu:

Để triển khai nghiên cứu luận án này, tác giả đã vận dụng tổng hợp các phương pháp kết hợp lý luận với thực tiễn; phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp hệ thống, đối chiếu và so sánh, xử lý các số liệu thống kê, phương pháp tiếp cận luật học so sánh và đa ngành như lịch sử, giáo dục.

5. Những đóng góp mới của luận án.

Luận án đã phân tích và luận giải một cách có hệ thống để góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và tính tất yếu khách quan của pháp luật xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam hiện nay.

Tác giả đã đánh giá thực trạng những thành tựu và hạn chế của pháp luật đối với công tác xã hội hóa giáo dục của nước ta thời gian qua.

Tác giả đã đề xuất một số phương hướng, giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam, đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh Việt Nam đang tham gia hội nhập với các nước phát triển.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án.

6.1. Ý nghĩa khoa học:

Ở một mức độ nhất định luận án đã góp phần làm rõ vấn đề về lý luận chung về xã hội hóa giáo dục và những vấn đề của pháp luật với xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam thời gian qua. Ngoài ra, luận án với những kết quả nghiên cứu được có thể làm tài liệu tham khảo cho việc tìm hiểu, nghiên cứu và giảng dạy những vấn đề liên quan đến xã hội hóa giáo dục hay những vấn đề liên quan đến chính sách, pháp luật về giáo dục.

6.2. Về mặt thực tiễn:

Bước đầu luận án tổng kết đánh giá trung thực, khách quan thực trạng xã hội hóa giáo dục, những tác động tích cực và bất cập của hệ thống pháp luật, chính sách của nhà nước đối với công tác xã hội hóa giáo dục trong thời gian qua. Bên cạnh đó, luận án đề xuất một số phương hướng và các giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy quá trình xã hội hóa giáo dục phát triển nhanh, bền vững và hiệu quả hơn, đảm bảo tính công bằng, dân chủ trong giáo dục. Phù hợp với đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta.

7. Kết cấu của luận án:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương, 9 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài:

Bắt đầu khoảng 30 năm cuối của thế kỷ XX, đặc biệt những năm đầu thế kỷ XXI, đa số các nước phát triển như Anh, Đức, Mỹ, Pháp, Nhật Bản, Australia, Malaysia, Singapore, Hàn Quốc đều tiến hành nhận thức lại vai trò, sứ mệnh của giáo dục, coi giáo dục là nền tảng của mọi sự phát triển xã hội. Tại các nước này rất nhiều chương trình cải cách giáo dục được thực hiện, nhằm đổi mới toàn diện nền giáo dục đất nước, tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu phát triển và sự thay đổi nhanh chóng trong xu hướng toàn cầu hóa tri thức. Khuynh hướng cải cách giáo dục là tập trung thu hút và tăng cường sự tham gia của các lực lượng xã hội, gia đình, các tổ chức trong và ngoài nước cùng với nhà nước tham gia vào giáo dục.

Giáo sư Krissaanapong Kirkara, Trường Đại học Công nghệ Thonburri của nhà vua Mongkut Bangkok, Thái Lan, (2005) *Giáo dục đại học ở Thái Lan và lộ trình cải cách quốc gia*, Nxb. Giáo dục. Tác giả đã cung cấp những thông tin giáo dục đại học ở Thái Lan trong đó chủ yếu xoay quanh những vấn đề cơ bản như: Quản lý giáo dục đại học, quản lý tài chính trong giáo dục đại học, học sinh trung học và số đăng ký vào đại học; cải cách giáo dục đại học, mục tiêu và các chiến lược trong cải

cách giáo dục đại học: phương hướng chỉ đạo và cơ chế thực hiện trong cải cách giáo dục đại học, đặc biệt trong đó tập trung chủ yếu phát triển các trường đại học công lập theo hướng tự chủ, hỗ trợ kinh phí từ chính phủ, quản lý trường đại học tự chủ, đặc quyền của trường đại học thuộc cơ chế tự chủ.

Lữ Đạt – Chu Mãn Sinh (đồng chủ biên) (2010), *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển, cải cách giáo dục ở Nhật Bản, Australia*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, ngoài ra còn có một số cuốn sách như: *Cải cách giáo dục ở các nước phát triển: Cải cách giáo dục ở Mỹ quyển 1,2,3,4, cải cách giáo dục ở Pháp - Đức, cải cách giáo dục ở Anh*, Nxb Giáo dục Việt Nam. Trong những cuốn sách này, các tác giả đã trình bày nội dung liên quan đến những vấn đề cốt lõi, những công việc của các nước trên đã tiến hành, làm cho giáo dục trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế, điều kiện tiên quyết đảm bảo sự phát triển bền vững đất nước, tạo ra năng lực cạnh tranh lành mạnh với các quốc gia khác trong thời kỳ hội nhập và phát triển kinh tế quốc tế.

Tác giả Laura Brannelly và Joan Sullivan - Owomoyela trong cuốn sách *Thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng đóng góp cho giáo dục trong các điều kiện xung đột* đề cập đến sự tham gia của cộng đồng và phát triển mô hình Cộng đồng tham gia vào giáo dục ở các nước Jordan. Afghanistan, Iraq, Liberia, Uganda và vùng lãnh thổ Palestine. Các tác giả đã nghiên cứu sự tham gia của cộng đồng vào giáo dục trong hoàn cảnh chính trị của mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ khác nhau. Tác giả khẳng định: *Giáo dục đóng góp rất nhiều vào nỗ lực tái thiết và giải quyết xung đột đất nước, nhưng trong bối cảnh đất nước như vậy cộng đồng sẽ phải đối mặt với rất nhiều thách thức và khó khăn khi tham gia vào giáo dục. Các tác giả đã đưa ra tầm quan trọng và vai trò của cộng đồng trong việc tham gia vào bối cảnh tái thiết đất nước sau xung đột và xây dựng lại giáo dục.*

WB (1994), *Higher Education: The lessons of experience*, A WB publication, Washington, D.C. Các tác giả đã đúc kết kinh nghiệm qua nghiên cứu giáo dục đại học ở các nước đang phát triển mà trong đó có Việt Nam về quản trị đại học ở cả cấp hệ thống và cấp trường, đồng thời chỉ ra chìa khóa thành công cho các chương trình cải cách giáo dục đại học là xác định lại vai trò của chính phủ và tăng cường quyền tự chủ và trách nhiệm của các trường đại học công. Nhưng đồng thời, cũng khuyến khích

quá trình tư nhân hóa, sự mở cửa thị trường giáo dục đại học và các cách tiếp cận quản lý ít có sự chi phối của nhà nước.

Fielden J (2008), *Global trends in university governance*, WB, Washington D.C. Tác giả đã hệ thống và khái quát xu hướng toàn cầu trong quản trị đại học về thể chế hóa địa vị pháp lý các trường đại học công như thực thể độc lập tự chủ, giảm bớt sự kiểm soát nhà nước, trao quyền tự chủ tài chính cho các trường, tăng cường các biện pháp đảm bảo trách nhiệm xã hội, tăng cường quản lý cấp trường thông qua xây dựng hội đồng trường.

Human Development Department East Asia and Pacific Region The World Bank (2008), *Vietnam Higher Education and Skills for Growth*. Báo cáo đã đánh giá hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam chưa có các công cụ cần thiết để thích ứng với sự phát triển và thay đổi nhu cầu của một nền kinh tế ngày càng năng động. Hướng tới đẳng cấp trong khu vực và quốc tế, thực hiện hệ thống giáo dục đại học sẽ đòi hỏi một tập hợp các cải cách để tạo ra sự linh hoạt và đa dạng, mở rộng sự tham gia của khu vực tư nhân, đầu tư phát triển một số cơ sở giáo dục đại học trọng điểm có tầm cỡ khu vực và thế giới. Để đến đó, Việt Nam sẽ cần phải tạo quản trị hỗ trợ và các khuôn khổ tài chính, với những sửa đổi xác định vai trò của khu vực công và tư nhân, được thực hiện theo ba giai đoạn: (i). Tăng cường khuôn khổ cho một hệ thống giáo dục đại học cạnh tranh. (ii). Giúp các trường đại học tiếp cận với các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội. (iii). Đầu tư hơn nữa trong việc xây dựng một hệ thống giáo dục đại học đạt đẳng cấp trong khu vực và quốc tế.

Các công trình trên đây, tập trung chủ yếu vào phân tích và phát triển hệ thống giáo dục ở mỗi quốc gia, gắn với những đặc tính riêng biệt bởi hệ thống chính trị, pháp luật và truyền thống văn hóa ở mỗi quốc gia đó.

1.2 Tình hình nghiên cứu trong nước.

1.2.1. Những nghiên cứu liên quan đến xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam:

Tại đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII Đảng Công sản Việt Nam đã khẳng định: xã hội hóa là một trong những quan điểm để hoạch định hệ thống các chính sách xã hội. Trên cơ sở đó nhìn nhận công tác xã hội hóa giáo dục là một trong những nội dung quan trọng được thể hiện trong các văn kiện của Đảng và từng bước phát

triển cùng với sự phát triển của xã hội và thực tiễn nước ta hiện nay. Từ những năm 90 của thế kỷ XX, các công trình nghiên cứu khoa học của các nhà khoa học ở một số ngành như; xã hội học, luật học, kinh tế học, giáo dục học đã tiếp cận và nghiên cứu xã hội hóa giáo dục ở nhiều khía cạnh và phương diện khác nhau.

1.2.2. Những nghiên cứu liên quan đến phương hướng và giải pháp thực hiện xã hội hóa giáo dục:

Cuốn *Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, y tế ở Việt Nam* (2010), tác giả Phạm Minh Phương, Nxb. Chính trị quốc gia. Tác giả đã làm rõ một số khái niệm về xã hội hóa, xã hội hóa giáo dục, xã hội hóa y tế tác giả còn đi sâu phân tích thực trạng về xã hội hóa giáo dục và xã hội hóa y tế, tác giả đã đánh giá: Trong thời gian qua, hệ thống các cơ sở cung ứng dịch vụ công ngoài công lập ngày càng phát triển, đáp ứng một phần đáng kể nhu cầu của xã hội trong lĩnh vực giáo dục, tạo nhu cầu về việc làm cho hàng chục vạn người. Mạng lưới các trường, cơ sở đào tạo, dạy nghề ngoài công lập đã được mở rộng ở các cấp học, trình độ đào tạo, tỷ lệ học sinh, sinh viên ở các trường ngoài công lập ngày càng gia tăng. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã khẳng định việc thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục còn nhiều hạn chế: (i). Chưa xứng với tiềm năng và thiếu vững chắc. (ii). Tiến độ thực hiện chuyển đổi các cơ sở công lập, bán công sang loại hình ngoài công lập còn chậm. (iii). Cơ chế, chính sách đầu tư, thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển cơ sở giáo dục ngoài công lập còn chưa đủ mạnh. (iv). Công tác tổ chức chỉ đạo thiếu kiên quyết, sự phối hợp giữa các bộ ngành và địa phương chưa chặt chẽ. (v). Một số cơ quan quản lý còn buông lỏng hoặc chậm chuyển đổi phương thức quản lý của nhà nước cho phù hợp với tình hình thực tế, đồng thời chưa hoặc ít quan tâm đến việc nâng mức hưởng thụ của người dân về giáo dục.

1.2.3. Những nghiên cứu liên quan đến chính sách pháp lý của nhà nước đối với xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam hiện nay:

Thực hiện xã hội hóa giáo dục là một trong những việc làm cấp thiết đối với Việt Nam chúng ta, nó đòi hỏi sự tham gia không chỉ của nhà nước mà còn thu hút sự tham gia của các cá nhân và các tổ chức xã hội khác. Tuy nhiên, dù là giáo dục công lập hay ngoài công lập thì xã hội hóa giáo dục vẫn luôn tuân thủ chủ trương, đường

lối của Đảng và Nhà nước, trong đó các chính sách hoạch định và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành và tổ chức thực hiện xã hội hóa giáo dục là không thể thiếu, hay nói cách khác, chính các chính sách của nhà nước, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật là phương tiện giúp cho chúng ta thực hiện và thúc đẩy được quá trình xã hội hóa giáo dục.

1.3. Kết quả các công trình nghiên cứu đã đạt được.

Trên cơ sở nghiên cứu các công trình liên quan đến vấn đề xã hội hóa giáo dục từ trước đến nay cả ở trong và ngoài nước, chúng tôi đưa ra một vài những nhận xét và đánh giá về kết quả nghiên cứu mà các công trình đã đạt được.

1.3.1. Về lý luận

Trước hết, hầu hết các nghiên cứu đều đưa ra được các khái niệm về xã hội hóa giáo dục theo những các hiểu khác nhau, bên cạnh đó, chỉ ra được vai trò, tầm quan trọng của xã hội hóa giáo dục cũng như vai trò và tầm quan trọng của các chính sách Nhà nước của hệ thống pháp lý đối với quá trình xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam. Một số tác giả đã phân tích thực trạng thực hiện xã hội hóa giáo dục trong thời gian qua để từ đó thấy được tầm quan trọng không thể thiếu của hệ thống pháp lý và các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đối với công cuộc giáo dục đào tạo và đặc biệt là công cuộc xã hội hóa giáo dục. Qua đó cũng làm rõ quan điểm của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm phát triển giáo dục - đào tạo của đất nước trong xu thế hội nhập quốc tế như hiện nay. Phần lớn các tác giả đều có chung một quan điểm đó là: Trong những năm gần đây, với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước cùng toàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội khác bên cạnh sự nỗ lực không ngừng của ngành giáo dục - đào tạo, sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã gặt hái nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn tồn tại những bất cập và yếu kém như trong quản lý tài chính giáo dục, quản lý quỹ đất giao cho các cơ sở tham gia Giáo dục - Đào tạo, chương trình giáo dục, chính sách đối với cán bộ giảng viên và nhân viên tham gia trong công tác giáo dục chính những bất cập này làm cho tiến trình xã hội hóa công tác giáo dục - đào tạo còn bị hạn chế và kém hiệu quả.

1.3.2. Về thực tiễn

Các công trình nghiên cứu đã đánh giá một cách đầy đủ và toàn diện các chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ trương phát triển giáo dục trong nhiều văn kiện Đại hội Đại biểu của Đảng như: văn kiện Đại hội Đại biểu của Đảng lần thứ VII, văn kiện Đại hội Đại biểu của Đảng lần thứ VIII, văn kiện Đại hội Đại biểu của Đảng lần thứ IX và thứ X và việc thực hiện xã hội hóa giáo dục nói chung và ở một số các địa phương nói riêng đã đạt được những thành tựu nhất định. Đặc biệt một số tác giả còn khẳng định chính các chính sách Nhà nước, hệ thống các văn bản hướng dẫn áp dụng và thi hành chủ thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục là hết sức cần thiết để có thể đưa chủ trương xã hội hóa giáo dục vào cuộc sống nhằm phát triển một nền giáo dục tiên bộ theo kịp xu thế và thời đại.

1.4. Những khoảng trống trong các công trình nêu mà luận án cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ:

Bên cạnh những giá trị to lớn về mặt khoa học mà các công trình nghiên cứu trên đã đạt được, song có thể ảnh hưởng bởi những lý do khách quan và chủ quan khác nhau mà những công trình nghiên cứu đó vẫn còn một số những thiếu sót cần nghiên cứu và bổ sung thêm một cách hệ thống hơn những lý luận cũng như thực tiễn ảnh hưởng của hệ thống pháp luật và hệ thống các chính sách nhà nước đối với thực trạng xã hội hóa giáo dục ở nước ta hiện nay

1.5. Giả thuyết nghiên cứu:

Trong hệ thống giáo dục ở nước ta hiện nay từ bậc phổ thông lên đại học, chưa có sự bình đẳng giữa các trường công lập và dân lập. Các trường công lập được Nhà nước đầu tư rất lớn, các trường ngoài công lập do cá nhân, tổ chức lập ra hoạt động như doanh nghiệp, phải đóng thuế, phải lo cơ sở vật chất về mọi mặt. Sự bình đẳng giữa các trường công lập và dân lập không thể có được. Việc tiến tới bình đẳng phải thông qua chính sách, pháp luật của Nhà nước vì cả hai loại hình đều có mục đích chung; đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển bền vững của đất nước.

1.6. Câu hỏi nghiên cứu:

- *Thứ nhất*, hệ thống các trường ngoài công lập được hình thành ở nước ta từ bao giờ, lý do nào dẫn tới thành lập các trường ngoài công lập?

- *Thứ hai*, hiện nay sự bất bình đẳng giữa các trường công lập và ngoài công lập thể hiện trên những mặt nào? Về cơ sở vật chất, về tổ chức và hoạt động, về học phí, về thuế, thuê đất, tuyển chọn đội ngũ giáo viên?

- *Thứ ba*, Đảng và Nhà nước cần có chính sách như thế nào để trợ giúp các trường ngoài công lập?

- *Thứ tư*, quan niệm của xã hội đối với các trường công lập và ngoài công lập có công bằng không?

- *Thứ năm*, phương hướng phát triển các trường ngoài công lập trong những điều kiện hội nhập quốc tế?

Chương 2

LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Ý nghĩa, mục đích và vai trò của xã hội hóa giáo dục

Đại hội Đảng lần thứ IX, một lần nữa Đảng ta khẳng định: *Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người, yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững*, tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục, thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá. Phát huy tinh thần độc lập suy nghĩ và sáng tạo của học sinh, sinh viên, đề cao năng lực tự học, tự hoàn thiện học vấn và tay nghề, đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một xã hội học tập, thực hiện phương châm học đi đôi với hành. Đó cũng là phương châm, là động lực, là đường lối, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước chúng ta trong công cuộc thực hiện xã hội hóa công tác giáo dục.

2.1.1. Khái niệm giáo dục

Lịch sử phát triển cho thấy giáo dục đã xuyên suốt quá trình phát triển xã hội; từ chế độ công xã nguyên thủy, trải qua chế độ phong kiến, tư bản chủ nghĩa cho đến

chế độ xã hội chủ nghĩa ngày nay. Cùng với sự phát triển của xã hội, thông qua cuộc sống lao động sáng tạo và khám phá tự nhiên - xã hội, kho tàng tri thức của nhân loại ngày càng phát triển và tích lũy được thành một khối khổng lồ, điều đó khẳng định sự tồn tại và phát triển tất yếu của giáo dục trong đời sống xã hội. Như vậy, *giáo dục là hiện tượng xã hội đặc trưng của xã hội loài người. Giáo dục này sinh cùng với xã hội loài người, trở thành một chức năng sinh hoạt không thể thiếu và không bao giờ mất đi ở mọi giai đoạn phát triển của xã hội*.

2.1.2. Khái niệm xã hội hóa:

Xã hội hóa là một khái niệm của nhân loại học và xã hội học được định nghĩa là *một quá trình tương tác xã hội kéo dài suốt đời qua đó cá nhân phát triển khả năng con người và học hỏi các mẫu văn hóa của mình*. Nói một cách khác, đó chính là quá trình con người liên tục tiếp thu văn hóa vào nhân cách của mình để sống trong xã hội như là một thành viên.

2.1.3. Khái niệm về xã hội hóa giáo dục:

Vậy xã hội hóa giáo dục là gì? Suy cho cùng, đó cũng chỉ là một trong những phương cách để nhà nước thực hiện nhiệm vụ hiến định là tạo điều kiện cho con em của mọi tầng lớp trong xã hội đều được đến trường và mọi cái gì cản trở nó đều không phải xã hội hóa giáo dục. Mặt khác, xã hội hóa giáo dục hay không xã hội hóa, dù kiểu nào đi chăng nữa đều phải nhằm đạt được những mục tiêu thiết yếu của giáo dục và nhà nước, trong mọi trường hợp, luôn luôn phải chịu trách nhiệm chính, không thể chuyển giao trách nhiệm của mình cho ai khác. Càng không thể lợi dụng xã hội hóa để biến giáo dục, nhiệm vụ chính danh của nhà nước, thành một ngành kinh doanh lấy lợi nhuận làm mục tiêu thay thế.

Như vậy, có thể định nghĩa xã hội hóa giáo dục như sau: Xã hội hóa giáo dục là chính sách của Nhà Nước trong việc huy động mọi nguồn lực của nhân dân, của các tổ chức kinh tế - xã hội tham gia vào sự nghiệp giáo dục, đầu tư vào hoạt động giáo dục trên cơ sở phù hợp với khả năng tài chính và trình độ chuyên môn nhằm xây dựng xã hội học tập.

2.1.4. Ý nghĩa, mục đích và vai trò của xã hội hóa giáo dục:

Xã hội hóa giáo dục nhằm thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài để phát

triển giáo dục và đào tạo ở nước ta đã trở thành một chủ trương lớn, lâu dài và nhất quán, được quán triệt sâu sắc và triển khai rộng khắp đến các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và mọi đối tượng thành phần dân cư trong toàn xã hội. Công tác xã hội hóa đã đem lại hiệu quả tích cực cho nền giáo dục và đào tạo trong thời gian qua.

Ý nghĩa của việc thực hiện xã hội hóa giáo dục ở nước ta hiện nay: Ngay sau khi nhà nước ta có chủ trương xã hội hóa trong đó có xã hội hóa giáo dục, và nhất là tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (khóa IX) của Đảng cộng sản Việt Nam là: *Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập, coi giáo dục là sự nghiệp của toàn dân là một giải pháp quan trọng để tiếp tục phát triển giáo dục. Nhà nước khuyến khích mọi đóng góp, mọi sáng kiến của xã hội cho giáo dục. Mặt khác, nhà nước tập chung cho giáo dục ở vùng sâu, vùng dân tộc thiểu số, những đối tượng gặp khó khăn.*

2.2. Pháp luật về xã hội hóa giáo dục, nội dung và đặc điểm

Để thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, điều cốt lõi chính là các chủ trương, chính sách của nhà nước nhằm tiến đến hướng dẫn và thực hiện quá trình xã hội hóa giáo dục chính là nói đến hệ thống pháp luật xã hội hóa giáo dục, là nói đến hệ thống hành lang pháp lý về lĩnh vực xã hội hóa giáo dục, những quy định của nhà nước đối với các hoạt động giáo dục và xã hội hóa giáo dục. Pháp luật xã hội hóa giáo dục là một trong những phương tiện quan trọng của Đảng và nhà nước trong quá trình chỉ đạo triển khai và thực hiện hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực xã hội hóa giáo dục và trong quá trình thực hiện hoạt động xã hội hóa giáo dục của ngành giáo dục và đào tạo nói riêng và toàn xã hội nói chung, đó là một chủ trương đúng đắn mang tính chiến lược của Đảng ta thể hiện rõ nét trong nghị quyết 2 BCHTW khóa VIII. Nghị quyết nêu rõ một trong những định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước là: *Phát triển các trường bán công, dân lập ở những nơi có điều kiện, từng bước mở các trường tư thục ở một số bậc như: mầm non, phổ thông trung học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, đại học. Mở rộng các hình thức đào tạo không tập chung, đào tạo từ xa, từng bước hiện đại hóa hình thức giáo dục.*

2.2.1. Khái niệm pháp luật xã hội hóa giáo dục:

Pháp luật về xã hội hóa giáo dục là hệ thống các quy phạm pháp luật quy định các nội dung liên quan đến trường học, cơ sở giáo dục, các tổ chức chính trị, xã hội các doanh nghiệp và cá nhân tham gia vào hoạt động giáo dục - đào tạo. Trước đây, Luật Giáo dục chỉ đơn thuần là hệ thống các quy phạm pháp luật dành cho giáo dục quốc dân, từ năm 1998 và đặc biệt là Luật Giáo dục 2005 đã sửa đổi, bổ sung nhiều điều luật liên quan đến xã hội hóa giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập của đất nước. Luật Giáo dục được Quốc hội ngày 02/12/1998 đã tạo cơ sở vững chắc cho sự nghiệp phát triển áo dục đào tạo. Giáo dục là quốc sách hàng đầu trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

2.2.2. Nội dung của pháp luật xã hội hóa giáo dục

Trong một xã hội, một nhà nước luôn tồn tại hệ thống pháp luật. Mục đích của hệ thống pháp luật đó là để khẳng định, bảo vệ chế độ chính trị - kinh tế - văn hóa – xã hội và ý chí, lợi ích của các giai tầng và các nhóm xã hội khác nhau trong một xã hội. Hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật về xã hội hóa giáo dục Việt Nam nói riêng cũng không nằm ngoài quy luật đó. Từ sau Đại hội VII và nhất là Đại hội VII BCHTW Đảng và nhà nước ta đã ra quyết sách và chủ trương xã hội hóa, trong đó có xã hội hóa giáo dục, cùng với đó là hàng loạt những vấn đề liên quan không chỉ đối với các nhà quản lý giáo dục mà còn cả những nhà hoạch định chính sách, những vấn đề liên quan mật thiết đến công cuộc xã hội hóa giáo dục như phân bổ tài chính, quỹ đất, chỉ tiêu tuyển sinh, thuế thu nhập doanh nghiệp, chính sách về cán bộ giảng viên và nhân sự, chủ trương và chương trình đào tạo đối với các hệ công lập và ngoài công lập như thế nào điều đó đòi hỏi nhà nước chúng ta cần có một hệ thống pháp luật khoa học, công bằng và chính xác.

Chúng ta sẽ đi tìm hiểu những vấn đề này qua lăng kính pháp luật để thấy được vai trò và chức năng của pháp luật đối với xã hội hóa giáo dục.

2.3. Những yếu tố tác động đến xã hội hóa giáo dục

Giáo dục là hoạt động tất yếu tồn tại khách quan trong mọi giai đoạn phát triển của xã hội. Giáo dục có bản chất xã hội, sự tồn tại và phát triển của giáo dục luôn gắn liền và chịu sự chi phối của các yếu tố như chế độ chính trị, văn hóa xã hội và trình

độ phát triển kinh tế xã hội của mỗi quốc gia và xã hội hóa giáo dục cũng không là ngoại lệ.

2.3.1. Yếu tố chính trị

Yếu tố chính trị là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng quyết định vận mệnh của sự nghiệp xã hội hóa giáo dục, chính yếu tố chính trị sẽ tác động trực tiếp phương hướng và chính sách của quá trình phát triển xã hội hóa giáo dục của mỗi quốc gia.

2.3.2. Yếu tố kinh tế - xã hội

Trong hơn 80 năm đô hộ của thực dân Pháp, Việt Nam chúng ta sống trong nghèo nàn và lạc hậu, nhân dân ta sống trong cảnh đói nghèo, đến khi dành được độc lập dân tộc thì chúng ta lại phải đối diện với nạn đói khủng khiếp diễn ra vào những thập niên đầu của thế kỷ 20 ở miền bắc Việt Nam, thời kỳ đó, với hơn 90% dân số làm nông nghiệp, nền công nghiệp thì thô sơ và lạc hậu, tri thức thì yếu kém.

2.3.3. Yếu tố văn hóa

Văn hóa là một trong những yếu tố quan trọng tác động vào nhận thức của con người trong lĩnh vực giáo dục. Sự tác động đó không chỉ đối với những người làm công tác giáo dục, những người tham gia vào hoạt động giáo dục mà còn tác động đến những người tiếp nhận và hưởng thụ dịch vụ giáo dục đó nữa.

2.3.4. Yếu tố hội nhập quốc tế

Hội nhập quốc tế là một trong những yếu tố then chốt trong quá trình phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa của nước ta. Đứng trước công cuộc hiện đại hóa đất nước, chúng ta kêu gọi đầu tư và khuyến khích hội nhập quốc tế nên vấn đề cung cấp một thị trường lao động có trình độ cao là đòi hỏi chính đáng của nền kinh tế thời kỳ hội nhập.

2.4. Kinh nghiệm xã hội hóa giáo dục ở một số nước trên thế giới:

Từ khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc năm 1945, sự tiến bộ như vũ bão của khoa học – kỹ thuật, công nghệ và sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng làm cho nhu cầu và nguồn nhân lực lao động có chất lượng tăng lên. Đây là nguyên nhân phát sinh cuộc vận động cải cách giáo dục mới có tính chất thế giới diễn ra vào 30 năm cuối thế kỷ và tiếp diễn vào những năm đầu của thiên niên kỷ thứ III. Nếu giữa thế kỷ

XX trở về trước, sự phát triển giáo dục gần như độc quyền của các nước tư bản đế quốc, tỉ lệ học sinh, sinh viên chiếm trên 70% học sinh, sinh viên thế giới, thì từ những năm 50 của thế kỷ này, số người đi học trên thế giới tăng hơn trước nhiều, chiếm khoảng 20% dân số thế giới, mà 3/4 số học sinh sinh viên thuộc về các nước đang phát triển.

Chương 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Sự hình thành và phát triển của pháp luật xã hội hóa giáo dục:

Cùng với sự hình thành và phát triển của tiến trình công tác xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam là một chặng đường dài phát triển và dần đi vào hoàn thiện hệ thống pháp lý về xã hội định hóa giáo dục. Ngay từ những năm đầu của thời kỳ đổi mới kinh tế, với chủ trương chuyển dịch nền kinh tế từ bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và Nhà nước đã chủ trương thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục

3.1.1. Giai đoạn trước năm 1986

Trong những năm đầu thống nhất đất nước. Tháng 4/1975, cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập và thống nhất đất nước của nhân dân Việt Nam giành thắng lợi hoàn toàn. Sau ngày chiến thắng, đối với lĩnh vực giáo dục ở các tỉnh miền Nam, Chính phủ tập trung vào hai nhiệm vụ: *Một là* xóa bỏ tàn dư của nền giáo dục cũ. *Hai là* thực hiện xóa mù chữ cho nhân dân trong độ tuổi từ 12 đến 50 tuổi. Về nhiệm vụ thứ nhất, Bộ Giáo dục đã khẩn trương xây dựng và ban hành hành chương trình 12 năm mới, biên soạn và in 20 triệu bản sách giáo khoa theo chương trình đó để thay thế sách giáo khoa cũ ở miền Nam. Hầu hết giáo viên của chế độ cũ được tuyển dụng lại, đồng thời, thực hiện công lập hoá trường tư thực, tách nhà trường ra khỏi ảnh hưởng của tôn giáo, đưa dần toàn bộ trường tư vào sự quản lý của nhà nước

3.1.2. Giai đoạn sau năm 1986:

Từ tháng 4 năm 1975 đến năm 1986 theo sự chỉ đạo của Đảng và nhà nước ta lúc bấy giờ, Việt nam tiến hành dịch chuyển nền kinh tế từ bao cấp sang nền kinh tế

thị trường nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng với đó là nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực cũng có sự cải tổ để phù hợp với sự phát triển của đất nước, trong đó có lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

3.2. Thực trạng pháp luật về xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Bối cảnh nền kinh tế - xã hội Việt Nam

Năm 1986, Việt Nam thực hiện đổi mới đất nước với ba trụ cột cơ bản: Chuyển đổi nền kinh tế từ tập trung bao cấp sang vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nền kinh tế nhiều thành phần trong đó khu vực dân doanh đóng vai trò quan trọng, chủ động hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới một cách có hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam.

Sau 30 năm đổi mới nền kinh tế, kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển, kinh tế tăng trưởng nhanh, đạt tốc độ bình quân 7,56%/năm, tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người tăng liên tục từ 337USD năm 1997 đến 1.200USD năm 2013. Năm 2015, với mức tăng trưởng GDP đạt 6,68%, cao nhất trong 5 năm, quy mô nền kinh tế theo giá trị tại thời điểm 2015 đạt gần 4,2 triệu tỷ đồng. Theo đó, GDP bình quân đầu người năm 2015 ước đạt 45,7 triệu đồng/người, tương đương 2.109 USD, tăng 57 USD so với năm 2014. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 6,21% so với năm 2015, trong đó quý I tăng 5,48%, quý II tăng 5,78%, quý III tăng 6,56%, quý IV tăng 6,68% [65, tr.235]

3.2.2. Những thành tựu và những hạn chế trong quá trình thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam:

Các trường ngoài công lập đã ra đời và đáp ứng cho việc điều chỉnh và cải tiến hệ thống giáo dục Việt Nam trong điều kiện chuyển đổi nền kinh tế và hội nhập quốc tế, khẳng định tính đúng đắn của chính sách đa dạng hóa các loại hình nhà trường và chủ trương tăng quyền tự chủ cho tất cả các cơ sở giáo dục và đào tạo.

3.2.3. Một số bất cập trong quá trình thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục ở nước ta thời gian qua:

Chủ trương xã hội hóa giáo dục là một chủ trương đúng đắn và cần thiết của Đảng và Nhân dân ta đối với sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo. Bên cạnh

những thành tựu to lớn mà xã hội hóa giáo dục mang lại thì trong quá trình thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục của Việt Nam ta vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định.

3.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam:

Trong gần 30 năm thực hiện xã hội hóa giáo dục, việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật đóng một vai trò quan trọng giúp thúc đẩy việc thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục thu được những thành tựu to lớn, đưa nền giáo dục nước ta phát triển vượt bậc. Xã hội hóa giáo dục phải tuân thủ pháp luật Nhà nước, có nghĩa là cần dựa trên cơ sở pháp lý. Ngược lại, các cơ quan đoàn thể, các tổ chức xã hội cũng cần có những cơ sở pháp lý để triển khai cũng như để tham gia huy động nguồn lực cho giáo dục.

3.3.1. Thành tựu của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về xã hội hóa giáo dục:

Để tạo hành lang pháp lý cho các nguồn lực của xã hội đầu tư nhiều hơn vào giáo dục, đào tạo và tạo thuận lợi cho các cơ sở giáo dục được hưởng chính sách ưu đãi xã hội Đảng và nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực xã hội hóa giáo dục.

3.3.2. Những hạn chế của một số văn bản quy phạm pháp luật về xã hội hóa công tác giáo dục:

Bên cạnh những thành tựu mà hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đã hỗ trợ cho công tác xã hội hóa giáo dục đạt được thì vẫn còn tồn tại những hạn chế, bất cập do các văn bản quy phạm pháp luật mang lại.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ CÁC GIẢI PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM

4.1. Một số quan điểm về hoàn thiện pháp luật về xã hội hóa giáo dục:

Để cho nền giáo dục nước ta nói chung và hệ thống giáo dục ngoài công lập nói riêng được phát triển thuận lợi, Đảng và Nhà nước ta cần tập chung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp lý trên các phương diện, từ hoạch định chính sách, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liên ngành, đa ngành nhằm thu

hút và khuyến khích các tổ chức, các đoàn thể xã hội và người dân tham gia tích cực hơn trong công cuộc thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, nhằm phát triển nền giáo dục nước nhà ngày càng đạt chất lượng cao và hiệu quả.

4.1.1. Pháp luật xã hội hóa giáo dục phải luôn gắn liền với mọi tổ chức xã hội:

Các bậc nho học tiền nhân có câu *hiền tài là nguyên khí quốc gia* mà để có người hiền tài thì phải bắt đầu từ giáo dục. Không có một vĩ nhân nào thành tài mà không được giáo dục. Đảng và nhà nước ta coi trọng giáo dục là quốc sách hàng đầu, nhất là trong những năm vừa qua Đảng và nhà nước đã có những chính sách, xây dựng hệ thống hành lang pháp lý và ban hành các văn bản nhằm đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam hiện nay là sự phát triển của một chiến lược lâu dài nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục ở nước ta. Đó là làm cho mọi tầng lớp, mọi bộ phận nhân dân toàn toàn thể dân tộc ta được học tập được phát triển về năng lực trí tuệ, được lao động, sáng tạo cũng như thể hiện trách nhiệm của mỗi công dân đối với sự nghiệp giáo dục của nước nhà.

4.1.2. Pháp luật xã hội hóa giáo dục gắn liền với hệ thống chính trị:

Hơn lúc nào hết chúng ta cần phát huy tối đa sự tham gia đón góp trên mọi phương diện; nhân lực, vật lực và tài lực của nhân dân. Song để xã hội hóa giáo dục thắng lợi, để pháp luật xã hội hóa được thực thi một cách hiệu quả thì cần phải phát huy vai trò của toàn bộ hệ thống chính trị và các tổ chức xã hội. Thực tiễn nước ta đã để lại bài học lớn, đó là: Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi. Với vai trò đề ra đường lối, chủ trương, Đảng ta đã tập hợp lực lượng phân công nhiệm vụ cho toàn bộ hệ thống chính trị và xã hội, lãnh đạo thắng lợi các chủ trương và đường lối đã đề ra.

4.1.3. Pháp luật xã hội hóa giáo dục luôn gắn liền với quy mô giáo dục với nâng chất lượng của giáo dục:

Có thể nói không một quốc gia nào không coi giáo dục có tầm quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, bên cạnh việc phát triển quy mô giáo dục - đào tạo thì việc nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo là tất yếu vì chỉ khi nâng cao chất lượng đào tạo mới có thể đảm bảo để phát triển một nền giáo dục bền vững. Nếu xã hội hóa giáo dục mà chỉ quan tâm đến mở rộng các loại hình nhà

trường, nhiều cấp học, lớp học, nhiều phương thức giáo dục - đào tạo mà không quan tâm đến chất lượng đào tạo thì coi như công cuộc xã hội hóa giáo dục đó thất bại. Vì mục tiêu của xã hội hóa giáo dục là nhằm huy động mọi lực lượng trong xã hội tham gia vào giáo dục trên cả hai phương diện thụ hưởng và trách nhiệm đối với giáo dục, góp phần phát triển giáo dục nước nhà cả về chất và về lượng.

4.1.4. Pháp luật xã hội hoá giáo dục gắn với thực hiện công bằng trong giáo dục

Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 đã chỉ rõ thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo cơ hội bình đẳng để ai cũng được học hành. Nhà nước và xã hội có cơ chế, chính sách giúp đỡ người nghèo học tập, khuyến khích những người học giỏi phát triển tài năng.

Biểu hiện quan trọng nhất của sự công bằng trong giáo dục là đảm bảo sự tiếp cận bình đẳng về cơ hội học tập cho mọi người dân phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội, thể hiện ở việc đảm bảo khả năng tiếp cận chuẩn tối thiểu về giáo dục cho tất cả mọi người không phân biệt nhóm xã hội hay địa bàn sinh sống, đồng thời khuyến khích việc thực hiện các hoạt động giáo dục ở mức cao hơn chuẩn cho các nhóm có điều kiện trong khuôn khổ quy định của pháp luật, là việc tạo ra những cơ hội như nhau cho những người có khả năng ngang nhau để sự thành đạt trong giáo dục chỉ phụ thuộc vào năng lực phấn đấu của mỗi cá nhân

4.2. Các giải pháp cụ thể

Từ việc nghiên cứu thực trạng của xã hội hóa giáo dục từ năm 1997 đến nay, cũng như những vấn đề đặt ra đối với pháp luật về xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam, trên cơ sở những phương hướng đề ra, luận án bước đầu đưa ra hệ thống các giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện về hệ thống pháp lý để từ đó nâng cao hiệu quả của công tác xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam.

4.2.1 Hoàn thiện pháp luật về loại hình tổ chức cơ sở giáo dục:

Xây dựng và hoàn thiện chủ trương chính sách về đa dạng hóa các loại hình tổ chức cơ sở giáo dục là việc tiến hành xây dựng hệ thống pháp lý về đa dạng hóa các loại hình nhà trường, đó là bên cạnh việc củng cố và xây dựng hệ thống các trường công lập thì cần có chính sách khuyến khích sự ra đời và phát triển của các loại hình

cơ sở trường ngoài công lập do các tổ chức, tập thể, hoặc cá nhân, kể cả các tập thể và cá nhân nước ngoài thành lập trong khuôn khổ chính sách, pháp luật của nhà nước và với sự quản lý của nhà nước.

4.2.2. Hoàn thiện về chế độ tài sản, tài chính đối với các trường ngoài công lập:

Sở hữu là một chế định rất cụ thể, quy định về sở hữu tài sản của một cá nhân hay một tổ chức. Tài sản của trường ngoài công lập như thế nào và ai được quyền sở hữu chúng? Tài sản hữu hình của một nhà trường nói chung bao gồm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, thư viện, tài chính và đội ngũ giáo viên cơ hữu, cán bộ quản lý. Thực tế hoạt động của các trường ngoài công lập trước đây cho chúng ta thấy, nhà nước chưa quy định, kiểm tra chặt chẽ khối tài sản hữu hình khi quyết định và cho phép thành lập trường. Cánh đây nhiều năm, các trường ngoài dân lập khi nhận được quyết định thành lập hầu hết là chưa có phòng học và đội ngũ giáo viên của riêng mình và đến khi có chỉ tiêu đào tạo mới đi thuê cơ sở vật chất, mời đội ngũ giáo viên từ các trường khác, Tại điều 208 BLDS 2015 quy định về sở hữu tập thể như sau: *Sở hữu tập thể là sở hữu của hợp tác xã hoặc các hình thức kinh tế tập thể ổn định khác do cá nhân, hộ gia đình cùng góp vốn, góp sức hợp tác sản xuất, kinh doanh nhằm thực hiện mục đích chung được quy định trong điều lệ, theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, cùng quản lý và cùng hưởng lợi.* Do đó cần nhận thức rõ hơn về quyền sở hữu để có thể đưa ra các phương thức quản lý trường ngoài công lập. Luật Dân sự 2015, Điều 163 quy định về quyền sở hữu

4.2.3. Hoàn thiện pháp luật về chế độ, chính sách đãi ngộ cho giáo viên, giảng viên và người lao động trong các cơ sở đào tạo ngoài công lập:

Muốn nâng cao và ổn định chất lượng đào tạo thì các cơ sở giáo dục ngoài công lập nhất thiết phải xây dựng cho được đội ngũ cán bộ giáo viên cơ hữu và chăm lo xây dựng mối quan hệ hợp tác toàn diện với đội ngũ cán bộ thỉnh giảng từ các trường công lập. Người thầy có vai trò hết sức quan trọng trong việc đào tạo và rèn luyện, phát triển trí tuệ và nhân cách cho các thế hệ trẻ, người thầy giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục, chính vì vậy các cơ sở giáo dục đào tạo nói chung và đối với các cơ sở giáo dục - đào tạo ngoài công lập nói riêng phải tạo

điều kiện để đội ngũ giáo viên, giảng viên được học tập và rèn luyện để nêu gương tốt cho các thế hệ học trò. Việc tăng cường xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên cần phải được ưu tiên hàng đầu nhằm đáp ứng nhu cầu của sự phát triển của các trường thuộc khối ngoài công lập. Tại Hội nghị giáo dục năm 2001, Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Đào tạo đã có ý kiến coi chỉ số về giảng viên là một trong các tiêu chuẩn buộc phải có đối với một trường đại học. Bộ Giáo dục - Đào tạo chỉ cho phép mở trường mới, mã ngành mới khi có đủ tiêu chuẩn về đội ngũ giảng viên và các điều kiện khác, các chỉ số giảng viên không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng và cơ cấu đội ngũ. Đội ngũ giảng dạy có chất lượng cao là nhân tố cơ bản trong đảm bảo chất lượng giáo dục.

4.2.4. Hoàn thiện pháp luật về đảm bảo công bằng cho người học trường công lập và các trường ngoài công lập:

Luật Giáo dục đã quy định về nguyên tắc sự bình đẳng giữa những người học. Thuộc tất cả các loại hình nhà trường. Trong đó Quyết định 86/2000/QĐ - TTg, quy định về quy chế trường đại học dân lập, cụ thể, Điều 50 của quy định này nêu rõ. Sinh viên trường đại học dân lập có những quyền như:

- (i). Được cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về việc học tập của mình như sinh viên trường đại học công lập.
- (ii). Học sau đại học, học trước tuổi, học vượt lớp, học rút ngắn thời gian thực hiện chương trình, ngừng học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- (iii). Tham gia hoạt động các đoàn thể, tổ chức xã hội trong trường theo quy định của pháp luật.
- (iv). Sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể dục, thể thao của trường.
- (v). Trực tiếp hoặc thông qua tổ chức, đoàn thể của mình kiến nghị với nhà trường các giải pháp nhằm góp phần xây dựng nhà trường, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của người học.
- (vi). Được hưởng các chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước.
- (vii). Được bình đẳng trong cơ hội tìm kiếm việc làm như sinh viên các trường đại học công lập.

4.3.5. Hoàn thiện pháp luật về tự chủ giáo dục của các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục của Việt Nam

Tự chủ là một hệ giải pháp có cấu trúc chặt chẽ nhằm đến việc cải thiện môi trường giáo dục để nâng cao chất lượng dạy và học. Bản thân sự tự chủ không phải là một bảo đảm về chất lượng cao và không tự chủ không có nghĩa là ngăn trở các cải cách. Các yếu tố cần thiết để đảm bảo chất lượng giáo dục là năng lực và thái độ học tập của sinh viên, tầm nhìn và tính năng động của hệ thống quản lý, và sự tín nhiệm của xã hội đối với sản phẩm đào tạo. Người ta mong đợi là sự tự chủ sẽ cho phép sẽ tạo ra một nền tảng để phát triển những yếu tố này hơn là một hệ thống phụ thuộc lẫn nhau với tất cả những điều kiện mâu thuẫn làm kéo giảm chất lượng giáo dục đại học. Đã có những bằng chứng về sự thành công ở các trường cao đẳng tự chủ đáp ứng được sự mong đợi đó.

4.3.6. Tăng cường các chính sách pháp lý nhằm thu hút đầu tư, quản lý nguồn vốn phục vụ cho công cuộc pháp trên xã hội hóa giáo dục:

Để thực hiện tốt và thành công xã hội hóa giáo dục thì cần có nhiều nguồn lực trong đó nguồn lực quan trọng đó là vốn. Vậy nguồn vốn để đầu tư cho xã hội hóa giáo dục lấy ở đâu? Đó là câu hỏi lớn cần chúng ta giải đáp mà cốt lõi lại nằm ở những chính sách, chủ trương pháp luật của nhà nước trong việc kích thích, tăng cường thu hút đầu tư cho giáo dục.

KẾT LUẬN

Xã hội hóa giáo dục là quá trình huy động mọi nguồn lực của công đồng tham gia vào phát triển giáo dục nhằm xây dựng một nền giáo dục Việt Nam phát triển bền vững, đảm bảo tính công bằng, dân chủ. Trên cơ sở phân tích và luận giải một cách có hệ thống, luận án rút ra một số kết luận như sau:

1. Phân tích và đánh giá những vấn đề chung về xã hội hóa và xã hội hóa giáo dục với những nội dung cơ bản cụ thể như khái niệm xã hội hóa là gì? Khái niệm về xã hội hóa giáo dục, nội dung và tính tất yếu của xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam.

2. Đưa ra và phân tích khái niệm về Pháp luật xã hội hóa giáo dục ở Việt nam, phân tích hệ thống pháp lý liên quan đến xã hội hóa giáo dục như những quy định của pháp luật liên quan đến thuế, đến giao đất và cơ sở hạ tầng, học phí, nguồn ngân sách

đầu tư và phân bổ ngân sách, những chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với các tổ chức, đoàn thể tham gia vào tiến trình phát triển xã hội hóa giáo dục. Về mặt tích cực, luận án đã chỉ ra được căn cứ vào các quy định của hệ thống pháp lý, chúng ta đã từng bước thu được các kết quả khả quan trong quá trình công tác xã hội hóa giáo dục đã tạo điều kiện cho nhiều thành phần khác nhau trong xã hội có điều kiện được hưởng thụ dịch vụ giáo dục, tạo được sự công bằng và dân chủ nhất định trong xã hội chúng ta, thiết lập được một hệ thống các trường học trong và ngoài công lập từ mầm non đến đại học và học nghề, tạo điều kiện và đáp ứng nhu cầu lao động việc làm cho không chỉ thị trường lao động trong nước mà còn cung cấp một lượng lớn lao động và nhất là lao động chất lượng cao cho thị trường lao động quốc tế, góp phần phát triển nền kinh tế nước nhà. Về mặt hạn chế, do một số các quy định của pháp luật còn thiếu đồng bộ, chưa thực sự tạo ra hành lang pháp lý hoàn chỉnh cho quá trình phát triển xã hội hóa giáo dục nên chưa thực sự khuyến khích được các tổ chức và doanh nghiệp có tiềm năng tham gia xã hội hóa giáo dục, công tác quản lý đối với việc thực hiện xã hội hóa giáo dục còn gặp nhiều lúng túng làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục.

3. Luận án tập trung phân tích và luận giải những phương hướng như pháp luật xã hội hóa giáo dục phải liên quan gắn liền với mọi tổ chức xã hội. Pháp luật xã hội hóa giáo dục luôn gắn liền với quy mô giáo dục với nâng chất lượng của giáo dục. Pháp luật xã hội hóa giáo dục gắn với thực hiện công bằng trong giáo dục. Về giải pháp, trên cơ sở những phân tích và những phương hướng cơ bản đó, tác giả thấy cần phải đưa ra các giải pháp cụ thể, thiết thực, hiệu quả và khả thi để có thể nhanh chóng áp dụng trong thực tiễn, nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật về xã hội hóa giáo dục từ đó góp phần thực hiện thành công công cuộc xã hội hóa giáo dục, theo tác giả cần có các nhóm giải pháp. Thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả những phương hướng và các giải pháp trên là một trong những điều kiện đảm bảo xây dựng một hệ thống pháp lý đồng bộ, cơ bản và vững chắc là hành lang pháp lý đầy đủ đảm bảo thắng lợi của sự nghiệp xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Nga (2016) “Xã hội hóa giáo dục theo pháp luật Việt Nam”, *Tạp chí Nghề Luật - Tạp chí của Học viện Tư Pháp*, số 5-2016, (Tr, 64 - 69)
2. Nguyễn Thị Nga (2016) “Pháp luật về xã hội hóa giáo dục ở nước ta: Sự bất bình đẳng giữa trường công và trường tư”, *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam*, (43), tr 109 – 114.
3. Nguyễn Thị Nga (2017) “Xã hội hóa giáo dục ở Việt Nam trong thời gian qua – thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Nghề Luật- Tạp chí của Học viện Tư Pháp*